THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43/2013/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Tổng cục Dạy nghề là tổ chức thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý nhà nước về dạy nghề, bao gồm: Chương trình, giáo trình, nội dung, kế hoạch, chất lượng dạy nghề, khung trình độ nghề quốc gia, khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia, tiêu chuẩn giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề, quy chế thi, tuyển sinh, hệ thống văn bằng, chứng chỉ, danh mục nghề đào tạo, cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề; tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực dạy nghề theo quy định của pháp luật.

2. Tổng cục Dạy nghề có tư cách pháp nhân, có con dấu hình Quốc huy, là đơn vị dự toán ngân sách cấp II thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Tổng cục Dạy nghề thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định:

a) Các dự án luật, pháp lệnh, các dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; các dự thảo nghị quyết, nghị định của Chính phủ về dạy nghề;

b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm về dạy nghề; chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án, đề án phát triển dạy nghề; các dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về dạy nghề;

c) Quy hoạch mạng lưới trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề.

2. Trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt, quyết định:

a) Các dự thảo quyết định, chỉ thị, thông tư về dạy nghề;

b) Các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật; các quy trình chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực dạy nghề.

3. Giúp Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát, đánh giá và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình mục tiêu quốc gia và các đề án, dự án về dạy nghề sau khi được phê duyệt.

4. Ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về dạy nghề, văn bản cá biệt theo quy định của pháp luật.

5. Về dạy nghề chính quy:

a) Quản lý danh mục nghề đào tạo;

b) Chủ trì tổ chức việc xây dựng và thẩm định chương trình khung trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề cho từng nghề;

c) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở dạy nghề trong việc xây dựng, ban hành và thực hiện chương trình dạy nghề; việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình dạy nghề; việc áp dụng các chương trình đào tạo nghề của nước ngoài; việc đăng ký hoạt động dạy nghề; việc thực hiện tuyển sinh học nghề, thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề, cấp văn bằng, chứng chỉ nghề. Kiểm tra các cơ sở dạy nghề ở Việt Nam trong việc cấp văn bằng, chứng chỉ nghề của nước ngoài; việc đào tạo liên thông và liên kết đào tạo của các cơ sở dạy nghề;

d) Thực hiện đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ cao đẳng nghề.

6. Về dạy nghề thường xuyên:

a) Hướng dẫn về điều kiện cụ thể và thủ tục mở các khóa dạy nghề thường xuyên; về đối tượng và hình thức tuyển sinh học nghề thường xuyên; về chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề thường xuyên; liên kết về dạy nghề thường

xuyên; về tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng, chứng chỉ trong dạy nghề thường xuyên;

b) Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các quy định về dạy nghề thường xuyên;

c) Hướng dẫn và kiểm tra việc tổ chức thực hiện công tác dạy nghề cho lao động nông thôn theo quy định.

7. Về giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thành lập các Khoa Sư phạm dạy nghề thuộc trường cao đẳng nghề;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện chương trình, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề; việc thực hiện chế độ, chính sách đối với giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề; việc thực hiện tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ giảng viên, giáo viên dạy nghề; tiêu chuẩn người đứng đầu cơ sở dạy nghề; việc tuyển dụng viên chức dạy nghề; Hội giảng giảng viên, giáo viên dạy nghề các cấp. Kiểm tra việc thực hiện quy chế đánh giá viên chức dạy nghề;

c) Quản lý công tác bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề;

d) Tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức dạy nghề theo thẩm quyền;

đ) Tổ chức thực hiện việc tặng thưởng các danh hiệu vinh dự cho nhà giáo và cán bộ quản lý dạy nghề theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức thực hiện Hội giảng giảng viên, giáo viên dạy nghề cấp quốc gia.

8. Về công tác học sinh, sinh viên học nghề:

a) Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý học sinh, sinh viên học nghề; công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh trong cơ sở dạy nghề; công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, văn hóa, thẩm mỹ cho học sinh, sinh viên học nghề; công tác giáo dục thể chất, công tác y tế trong các cơ sở dạy nghề; phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của học sinh, sinh viên học nghề; việc thực hiện chính sách học bổng từ ngân sách nhà nước và các chính sách khác đối với người học nghề;

b) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về thu học phí và các khoản thu khác đối với học sinh, sinh viên.

9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy nghề:

a) Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở vật chất của trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề và tiêu chuẩn thiết bị dạy nghề theo từng nghề;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện tiêu chuẩn về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy nghề của các cơ sở dạy nghề theo quy định; Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm các cấp;

c) Hướng dẫn việc quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy nghề;

d) Hướng dẫn việc tiếp nhận và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở vật chất, danh mục thiết bị dạy nghề của nước ngoài;

đ) Tổ chức thực hiện Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm cấp quốc gia.

10. Về kiểm định chất lượng dạy nghề:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về kiểm định chất lượng dạy nghề;

b) Quản lý và tổ chức thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề đối với cơ sở dạy nghề, chương trình đào tạo nghề. Chủ trì thẩm định và công nhận cơ sở dạy nghề, chương trình dạy nghề đạt chuẩn tiêu chuẩn kiểm định chất lượng;

c) Hướng dẫn và kiểm tra việc đảm bảo chất lượng dạy nghề, việc tự kiểm định chất lượng dạy nghề của các cơ sở dạy nghề;

d) Công nhận, cấp, thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề;

đ) Tổ chức công bố công khai danh sách các cơ sở dạy nghề, chương trình đào tạo đã được kiểm định chất lượng dạy nghề;

e) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho kiểm định viên chất lượng dạy nghề và cán bộ quản lý chất lượng của cơ sở dạy nghề; cấp, thu hồi thẻ kiểm định viên chất lượng dạy nghề;

g) Chủ trì tổ chức thẩm định việc thành lập hoặc cho phép thành lập tổ chức kiểm định chất lượng dạy nghề;

h) Hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động của trung tâm kiểm định chất lượng dạy nghề do tổ chức và cá nhân thành lập; việc công nhận tổ chức của nước ngoài có thẩm quyền kiểm định chất lượng chương trình dạy nghề của nước ngoài đào tạo tại Việt Nam.

11. Về kỹ năng nghề:

a) Quản lý khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống các tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho từng nghề và từng bậc trình độ kỹ năng; rà soát, cập nhật, điều chỉnh tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia phù hợp với yêu cầu chung của từng thời kỳ; hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia và việc áp dụng tiêu chuẩn kỹ năng nghề của các nước khu vực ASEAN và thế giới vào Việt Nam;

c) Quản lý ngân hàng đề thi đánh giá kỹ năng nghề;

d) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đánh giá viên, chuyên gia xây dựng, thẩm định tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia và đề thi đánh giá kỹ năng nghề; cấp, thu hồi và quản lý thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia;

đ) Quản lý việc đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định;

e) Tổ chức hội thi tay nghề quốc gia, tham dự hội thi tay nghề khu vực ASEAN và thế giới;

g) Quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

12. Về thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Thực hiện thanh tra chuyên ngành về dạy nghề;

b) Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề;

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về dạy nghề theo thẩm quyền.

13. Hướng dẫn, kiểm tra việc thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các cơ sở dạy nghề, thành lập văn phòng đại diện dạy nghề nước ngoài tại Việt Nam; việc công nhận hiệu trưởng, phê duyệt điều lệ trường cao đẳng nghề tư thục. Tổ chức thực hiện việc thẩm định thành lập trường cao đẳng nghề.

14. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước về dạy nghề.

15. Tổ chức thực hiện công tác thống kê, thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu về dạy nghề.

16. Tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực dạy nghề.

17. Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức hoạt động dạy nghề của các cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam; việc thực hiện các hoạt động liên doanh, liên kết giữa các cơ sở dạy nghề của Việt Nam và các cơ sở dạy nghề của nước ngoài.

18. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dạy nghề theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

19. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ tiền lương và chế độ chính sách đãi ngộ, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, từ chức, biệt phái, nghỉ hưu, thôi việc, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của Tổng cục Dạy nghề theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

20. Thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực dạy nghề theo kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

21. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

22. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ Dạy nghề chính quy.

2. Vụ Dạy nghề thường xuyên.

3. Vụ Giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề.

4. Vụ Cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề.

5. Vụ Công tác học sinh, sinh viên.

6. Vụ Kỹ năng nghề.

7. Vụ Tổ chức cán bộ.

8. Vụ Kế hoạch - Tài chính.

9. Vụ Pháp chế - Thanh tra.

10. Văn phòng.

11. Cục Kiểm định chất lượng dạy nghề.

12. Viện Nghiên cứu Khoa học dạy nghề.

Tại Điều này, các đơn vị quy định từ Khoản 1 đến Khoản 11 là các đơn vị giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; đơn vị quy định tại Khoản 12 là đơn vị sự nghiệp phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Tổng cục.

Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Tổng cục Dạy nghề.

Điều 4. Lãnh đạo Tổng cục Dạy nghề

1. Tổng cục Dạy nghề có Tổng cục trưởng và không quá 03 Phó Tổng cục trưởng.

2. Tổng cục trưởng và các Phó Tổng cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức theo quy định của pháp luật.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Tổng cục Dạy nghề. Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2013.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 86/2008/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Quyết định số 53/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định số 86/2008/QĐ-TTg; bãi bỏ các quy định khác trước đây trái với Quyết định này.

3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng